

Số: 02 - 2013/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2013

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ các bản Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty chứng khoán niêm yết được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 121/2012/TT-BTC và Thông tư 210/2012/TT-BTC;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi bổ sung và có hiệu lực kể từ ngày 06/4/2012,

Nhằm hoàn thiện bản Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội sát với thực tiễn hoạt động và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng Quản trị đã tra soát và xây dựng lại Điều lệ Công ty theo đúng hướng dẫn tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 121/2012/TT-BTC và Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo chi tiết trong Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Điều lệ mới sửa đổi 12 Điều và bổ sung 02 Điều sẽ bao gồm IX chương, 90 Điều và chính thức được ban hành, có hiệu lực áp dụng sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

ĐỖ QUANG HIỂN

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ SHS

Căn cứ pháp luật:

- Theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của BTC quy định về quản trị Công ty đại chúng;
- Theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của BTC hướng dẫn về thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán.

Điều lệ mới sửa đổi 12 Điều và bổ sung 02 Điều sẽ bao gồm IX chương, 90 Điều và chính thức áp dụng kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2013.

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	Điều 1 - Sửa đổi nội dung tại mục d, h, i khoản 1 theo Thông tư 210 và Luật Chứng Khoán	<p>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>.....</p> <p>d) "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và ghi tại Điều lệ này.</p> <p>h) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i) "Người hành nghề chứng khoán" là người làm việc tại các vị trí nghiệp vụ chuyên môn trong công ty chứng khoán và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.</p>	<p>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>.....</p> <p>d) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ này.</p> <p>h) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i) "Người hành nghề chứng khoán" là người có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, làm việc tại các bộ phận môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán và có ký kết hợp đồng lao động với công ty chứng khoán.</p>
2	Điều 2 - Bổ sung	Điều 2: Hình thức, tên gọi, trụ sở và Người đại diện	Điều 2: Hình thức, tên gọi, trụ sở và Người đại diện

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
3	<p>mục e tại khoản 4 theo Thông tư 210</p> <p>Điều 7 - Sửa đổi khoản 9, Bổ sung khoản 10 và 11 theo Điều lệ mẫu Thông tư 210</p>	<p>theo pháp luật</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>c)</p> <p>d)</p> <p>Điều 7. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>...</p> <p>9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan</p>	<p>theo pháp luật</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật</p> <p>a)....d)....</p> <p>e) <i>Trường hợp Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.</i></p> <p>Điều 7. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>....</p> <p>9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với quy định của Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p><i>10. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.</i></p> <p><i>11. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.</i></p>
4	<p>Điều 9 - Bỏ điểm d) và bổ sung một số nội dung tại</p>	<p>Điều 9. Các quy định hạn chế</p> <p>1. Quy định hạn chế đối với Công ty</p>	<p>Điều 9. Các quy định hạn chế</p> <p>1. Quy định hạn chế đối với Công ty</p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	khoản 1 theo Thông tư 210	d) Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.	a)..... d) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch; e) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng; f) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản; g) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán; h) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty; i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa những thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
5	Điều 9 - Sửa đổi, Bổ sung nội dung tại khoản 2, bổ sung khoản 3 theo thông tư 210	2. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc và người hành nghề chứng khoán a) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc.	2. Quy định hạn chế đối với người hành nghề chứng khoán Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư người hành nghề Chứng khoán phải:

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
6	Điều 27 - Bổ sung nội dung theo Nghị định 58 và thông tư 210	<p>Điều 27: Nghĩa vụ của Cổ đông</p> <p>1.....</p> <p>2.....</p>	<p>a)....</p> <p><i>e) Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.</i></p> <p>3. Quy định đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:</p> <p><i>a) Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;</i></p> <p><i>b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;</i></p> <p><i>c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.</i></p> <p>Điều 27: Nghĩa vụ của Cổ đông</p> <p>1.....</p> <p>2.....</p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>3. <i>Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.</i></p>
7	<p>Điều 36 - bổ sung (phần in nghiêng) tại khoản 8 theo Điều lệ mẫu Thông tư 121</p>	<p>Điều 36: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản</p> <p>8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p>	<p>Điều 36: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản</p> <p>8. <i>Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</i></p>
8	<p>Điều 37 - Bổ sung (phần in nghiêng) tại khoản 3, 4 theo Điều lệ mẫu Thông tư 121</p>	<p>Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông <i>trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông <i>phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</i>, và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
9	<p>Điều 38 - Bổ sung (phần in nghiêng) theo Điều lệ mẫu thông tư 121</p>	<p>Điều 38. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p>	<p>Điều 38. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung: <i>“Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức tại Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định.</i></p>
10	<p>Điều 39 - Bổ sung (phần in nghiêng) tại khoản 2 Điều lệ mẫu tại Thông tư 121 và 210</p>	<p>Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc đề cử, ứng cử Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.</p>	<p>Điều 39. Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc đề cử, ứng cử Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. <i>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i></p>
11	<p>Điều 40 - Bổ sung khoản 18, 19,20 theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 121 và 210</p>	<p>Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>17.Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.</p> <p>18. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty;</p> <p>19. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật</p>	<p>Điều 40. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>17.....</p> <p><i>18. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người đại diện thực hiện nhiệm vụ kiểm soát rủi ro và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;</i></p> <p><i>19. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc đệ trình;</i></p> <p><i>20. Có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kì một</i></p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p><i>hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở.</i></p> <p>21. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty;</p> <p>22. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật</p>
12	<p>Điều 41 - Bổ sung khoản 4,5,6,7 về điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (phần in nghiêng) - theo Điều lệ mẫu Thông tư 121, 210</p>	<p>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>1...</p> <p>4. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p><i>4. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác;</i></p> <p><i>5. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;</i></p> <p><i>6. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</i></p> <p><i>7. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- Là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;</i> <i>- Không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do</i>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p><i>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội nắm quyền kiểm soát;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;</i> - <i>Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;</i> - <i>Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.</i> <p>8. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>
13	<p>Điều 47 - Bổ sung Điều khoản quy định về bộ phận kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị - nội dung bắt buộc theo Thông tư 121 và 210</p>	<p>Điều 47. Ban Thư ký Hội đồng Quản trị</p> <p>Điều 48. Tổ chức bộ máy quản lý</p>	<p>Điều 47. Ban Thư ký Hội đồng Quản trị</p> <p>Điều 48. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị</p> <p>Điều 49. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p><u>Nội dung Điều 48 như sau:</u></p> <p>Điều 48. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;</p> <p>c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;</p> <p>d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;</p> <p>e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;</p> <p>g) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;</p> <p>h) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;</p> <p>i) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;</p> <p>k) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;</p> <p>l) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>m) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;</p> <p>n) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con.</p> <p>2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro</p> <p>a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;</p> <p>b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;</p> <p>c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro thực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;</p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>d) Chức năng khác của Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ</p> <p>a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;</p> <p>b) Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;</p> <p>c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Công ty;</p> <p>d) Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và Thị trường Chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;</p> <p>e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.</p>
14	<p>Điều 51 - Bổ sung Nội dung tại (phần in nghiêng) theo Điều lệ mẫu Thông tư 210</p>	<p>Điều 51. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>a)...k)...</p> <p>l) Báo cáo Hội đồng Quản trị, UBCKNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>m) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p>	<p>Điều 52. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>a)...k)...</p> <p>l) Báo cáo Hội đồng Quản trị, UBCKNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>m) <i>Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp</i></p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p><i>dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu theo quy định của pháp luật;</i></p> <p>n) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p>
15	<p>Điều 55 - Bổ sung Điều khoản quy định về bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng giám đốc - nội dung bắt buộc theo Thông tư 121 và 210</p>	<p>Điều 53. Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành</p> <p>Điều 54. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 54. Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành</p> <p><i>Điều 55. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc</i></p> <p>Điều 56. Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát</p> <p><u>Nội dung Điều 55 như sau:</u></p> <p>Điều 55. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc</p> <p>1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:</p> <p>a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;</p> <p>b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt</p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			<p>đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.</p> <p>c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;</p> <p>e) Tách biệt tài sản của khách hàng;</p> <p>g) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;</p> <p>h) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;</p> <p>i) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.</p> <p>2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:</p> <p>a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;</p> <p>b) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;</p> <p>c) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và</p>

TT	LÝ DO THAY ĐỔI	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐANG ÁP DỤNG	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
			thị trường chứng khoán; d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty. 3. Nhiệm vụ của Hệ thống thực thi Quản trị rủi ro: a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty; b) Xác định rủi ro của Công ty; c) Đo lường rủi ro; d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

